

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 21 + 22

Ngày 01 tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 14-12-2023- Quyết định số 5766/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng; văn thư và lưu trữ nhà nước; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ. 2
- 16-12-2023- Quyết định số 5795/QĐ-UBND về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 56

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5766/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng; văn thư và lưu trữ nhà nước; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6405/TTr-SNV ngày 21 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng; văn thư và lưu trữ nhà nước; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn>. (Thủ tục hành chính nội bộ)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ
NHÀ NƯỚC; CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5766/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thi đua, khen thưởng	Sở Nội vụ
2	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, khen thưởng” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thi đua, khen thưởng	Sở Nội vụ
3	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, tôn giáo” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thi đua, khen thưởng	Sở Nội vụ
4	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư - Lưu trữ” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thi đua, khen thưởng	Sở Nội vụ
5	Thẩm tra tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Sở Nội vụ
6	Biệt phái công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng

1. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, gửi Sở Nội vụ trước ngày 31/5 hàng năm.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc bắt đầu từ ngày 01/6, Văn phòng Sở Nội vụ tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nội vụ gửi hồ sơ trình Bộ Nội vụ.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị của đơn vị (theo mẫu).

+ Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu).

+ Bản khai thành tích và quá trình công tác đối với cá nhân trong ngành (theo mẫu).

+ Những trường hợp thuộc diện ưu tiên xét tặng được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV kèm theo bản sao Quyết định khen thưởng hoặc Bằng công nhận.

Hồ sơ gửi bản giấy và bản điện tử (Đối với bản điện tử: gửi file định dạng “.docx” đối với Tờ trình, danh sách; gửi file định dạng “.pdf” đối với báo cáo thành tích và các hồ sơ khác có liên quan; trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tổ chức nhà nước:

+ Công chức, viên chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác tổ chức cán bộ tại các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các đơn vị, cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công chức, người lao động công tác trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước tại Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công chức công tác trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước thuộc Phòng Nội vụ các huyện, quận, thành phố Thủ Đức.

+ Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác tổ chức cán bộ tại Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các huyện, quận, thành phố Thủ Đức có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của Bộ Nội vụ hoặc một trong các lĩnh vực ngành Tổ chức nhà nước.

- Cá nhân là người nước ngoài, người nước ngoài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài có công xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Bộ Nội vụ hoặc trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước.

- Công dân có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của Bộ Nội vụ hoặc trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước.

- Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nội vụ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

- Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Văn phòng Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm hồ sơ đề xuất (điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV).

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương: Công văn hướng dẫn của Sở Nội vụ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

- Danh sách đề nghị xét tặng kỷ niệm chương.

- Bản khai thành tích và quá trình công tác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Hoạt động chuyên trách từ đủ 15 năm trở lên hoặc hoạt động kiêm nhiệm từ đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp được cử đi học tập hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thời gian đi học, thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp cá nhân không công tác liên tục thì thời gian xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn thời gian thực tế cá nhân công tác trong ngành nội vụ.

+ Trường hợp cá nhân hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm không liên tục thì quy đổi theo thời điểm trình hồ sơ như sau: 01 năm hoạt động kiêm nhiệm được quy đổi bằng 09 tháng hoạt động chuyên trách.

+ Đối với các cá nhân có quá trình công tác trong các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ, nếu thời gian công tác của mỗi ngành, lĩnh vực không đủ thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương về từng ngành, lĩnh vực thì tổng thời gian công tác trong các ngành, lĩnh vực của cá nhân đó được tính để xét tặng Kỷ niệm chương và được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực hiện đang công tác (hoặc trước khi nghỉ hưu).

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của Bộ Nội vụ

+ Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên.

+ Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thành ủy thành phố Thủ Đức; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố Thủ Đức: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 10 năm trở lên phụ trách lĩnh vực Tổ chức nhà nước.

+ Lãnh đạo hoặc thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng Thành phố Hồ Chí Minh: kiêm nhiệm từ đủ 10 năm trở lên.

+ Thời gian giữ chức vụ được tính để xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn nếu cá nhân không phụ trách liên tục các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Có thành tích xuất sắc trong việc củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Nội vụ; cá nhân hiến tặng tài liệu cho các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của Bộ Nội vụ hoặc trong lĩnh vực: Tổ chức Nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ

Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***TỜ TRÌNH****Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức Nhà nước”**

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, xét duyệt và trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét tặng Kỷ niệm chương “.....” năm ... cho ... cá nhân. Trong đó:

1. Đối tượng là cá nhân trong ngành:

a) Đang công tác: ... người;

b) Đã nghỉ công tác: ... người.

2. Đối tượng là cá nhân ngoài ngành: ... người.

3. Đối tượng là người nước ngoài (nếu có): ... người.

(Danh sách và báo cáo thành tích cá nhân kèm theo)/.

*Nơi nhận:***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- ...

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

“VÌ SỰ NGHIỆP NGÀNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thời gian công tác được tính để xét tặng Kỷ niệm chương (đã trừ thời gian kỷ luật, nếu có)	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1.							
2.							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

2. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP NGÀNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ và nơi công tác (Hiện nay hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ (*)
		Nam	Nữ		
1.					
2.					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

(*): Ghi rõ thời gian/nhiệm kỳ phụ trách lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
- Tóm tắt đóng góp nổi bật đối với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ trong thời gian phụ trách

3. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP NGÀNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6)

STT	Họ và tên, chức vụ, chức danh	Năm sinh		Quốc tịch	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
		Nam	Nữ		
1					
2					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NHỮNG CÁ NHÂN ĐÃ VÀ ĐANG CÔNG TÁC TRONG NGÀNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”***(Đối với những cá nhân đã và đang công tác trong ngành)***I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BẢN THÂN**

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG NGÀNH (*)

Thời gian (từ tháng...năm... đến tháng...năm...)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ được phân công/phụ trách	Số năm công tác trong ngành		Danh hiệu và hình thức khen thưởng được ưu tiên theo khoản 1 Điều 10 của Thông tư (nếu có) <i>(số ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định)</i>
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	
Tổng số năm công tác trong ngành (đã quy đổi): ... năm (chuyên trách/kiêm nhiệm)					

Cam kết: Tôi chưa từng được nhận Kỷ niệm chương trong lĩnh vực đang đề nghị xét tặng.**III. KỶ LUẬT (Nếu có):****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC****(Ký tên, đóng dấu)****NGƯỜI KHAI****(Ký, ghi rõ họ tên)**

(*): Chỉ liệt kê thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

2. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, khen thưởng” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, gửi Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 10/3 hàng năm.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc bắt đầu từ ngày 11/3, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nội vụ gửi hồ sơ trình Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị của đơn vị (theo mẫu).

+ Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu).

+ Bản khai thành tích và quá trình công tác đối với cá nhân trong ngành (theo mẫu).

+ Những trường hợp thuộc diện ưu tiên xét tặng được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV kèm theo bản sao Quyết định khen thưởng hoặc Bằng công nhận.

Hồ sơ gửi bản giấy và bản điện tử. (Đối với bản điện tử: gửi file định dạng “.docx” đối với Tờ trình, danh sách; gửi file định dạng “.pdf” đối với báo cáo thành tích và các hồ sơ khác có liên quan; trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước)

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân đã và đang công tác trong ngành Thi đua, Khen thưởng:

+ Lãnh đạo và thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công chức, viên chức người lao động công tác tại Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh; cán bộ, công chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại Phòng Nội vụ các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

+ Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại các sở, ban, ngành; đoàn thể các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cán bộ, công chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức, huyện, xã, thị trấn; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức, quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các huyện, quận, thành phố Thủ Đức có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Thi đua, khen thưởng.

- Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có công xây dựng và phát triển trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng.

- Công dân có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Thi đua, khen thưởng.

- Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

- Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề xuất: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm hồ sơ đề xuất (khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV).

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện đề xuất: Công văn hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

- Danh sách đề nghị xét tặng kỷ niệm chương.

- Bản khai thành tích và quá trình công tác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Hoạt động chuyên trách từ đủ 15 năm trở lên hoặc hoạt động kiêm nhiệm từ đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp được cử đi học tập hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thời gian đi học, thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp cá nhân không công tác liên tục thì thời gian xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn thời gian thực tế cá nhân công tác trong ngành nội vụ.

+ Trường hợp cá nhân hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm không liên tục thì quy đổi theo thời điểm trình hồ sơ như sau: 01 năm hoạt động kiêm nhiệm được quy đổi bằng 09 tháng hoạt động chuyên trách.

+ Đối với các cá nhân có quá trình công tác trong các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ, nếu thời gian công tác của mỗi ngành, lĩnh vực không đủ thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương về từng ngành, lĩnh vực thì tổng thời gian công tác trong các ngành, lĩnh vực của cá nhân đó được tính để xét tặng Kỷ niệm chương và được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực hiện đang công tác (hoặc trước khi nghỉ hưu).

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và

phát triển của ngành nội vụ.

+ Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên.

+ Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thành ủy thành phố Thủ Đức; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố Thủ Đức: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 10 năm trở lên phụ trách lĩnh vực Thi đua, khen thưởng.

+ Lãnh đạo hoặc thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng Thành phố Hồ Chí Minh: kiêm nhiệm từ đủ 10 năm trở lên.

+ Thời gian giữ chức vụ được tính để xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn nếu cá nhân không phụ trách liên tục các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Có thành tích xuất sắc trong việc củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành nội vụ; cá nhân hiến tặng tài liệu cho các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của ngành nội vụ hoặc trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của

Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP THI ĐUA KHEN THƯỞNG”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thời gian công tác được tính để xét tặng Kỷ niệm chương (đã trừ thời gian kỷ luật, nếu có)	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1.							
2.							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

2. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP THI ĐUA KHEN THƯỞNG”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ và nơi công tác (Hiện nay hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ (*)
		Nam	Nữ		
1.					
2.					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

(*): Ghi rõ thời gian/nhiệm kỳ phụ trách lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
- Tóm tắt đóng góp nổi bật đối với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ trong thời gian phụ trách

MẪU BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NHỮNG CÁ NHÂN ĐÃ VÀ ĐANG CÔNG TÁC TRONG NGÀNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua khen thưởng”***(Đối với những cá nhân đã và đang công tác trong ngành)***I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BẢN THÂN**

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG NGÀNH (*)

Thời gian (từ tháng...năm... đến tháng...năm...)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ được phân công/phụ trách	Số năm công tác trong ngành		Danh hiệu và hình thức khen thưởng được ưu tiên theo khoản 1 Điều 10 của Thông tư (nếu có) (số ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định)
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	
Tổng số năm công tác trong ngành (đã quy đổi): ... năm (chuyên trách/kiêm nhiệm)					

Cam kết: Tôi chưa từng được nhận Kỷ niệm chương trong lĩnh vực đang đề nghị xét tặng.**III. KỶ LUẬT (Nếu có):****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC****(Ký tên, đóng dấu)****NGƯỜI KHAI****(Ký, ghi rõ họ tên)**

(*): Chỉ liệt kê thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

3. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, tôn giáo” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, gửi Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) trước ngày 31/3 hàng năm.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc bắt đầu từ ngày 01/4, Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nội vụ gửi hồ sơ trình Ban Tôn giáo Chính phủ.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị của đơn vị (theo mẫu).

+ Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu).

+ Bản khai thành tích và quá trình công tác đối với cá nhân trong ngành (theo mẫu).

+ Những trường hợp thuộc diện ưu tiên xét tặng được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV kèm theo bản sao Quyết định khen thưởng hoặc Bằng công nhận.

Hồ sơ gửi bản giấy và bản điện tử. (Đối với bản điện tử: gửi file định dạng “.docx” đối với Tờ trình, danh sách; gửi file định dạng “.pdf” đối với báo cáo thành tích và các hồ sơ khác có liên quan; trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước)

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân đã và đang công tác trong ngành Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo:

+ Công chức, người lao động công tác tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ .

+ Công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo tại các Phòng Nội vụ hoặc phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác tín ngưỡng, tôn giáo tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Cán bộ, công chức, người lao động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác tín ngưỡng, tôn giáo tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

+ Cá nhân tham gia các Tổ công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp được tính vào thời gian kiêm nhiệm làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các huyện, quận, thành phố Thủ Đức có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo.

- Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có công xây dựng và phát triển trong lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo.

- Công dân có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo.

- Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

- Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề xuất: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm hồ sơ đề

xuất (khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV).

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện đề xuất: Công văn hướng dẫn của Ban Tôn giáo.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

- Danh sách đề nghị xét tặng kỷ niệm chương.

- Bản khai thành tích và quá trình công tác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Hoạt động chuyên trách từ đủ 15 năm trở lên hoặc hoạt động kiêm nhiệm từ đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp được cử đi học tập hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thời gian đi học, thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp cá nhân không công tác liên tục thì thời gian xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn thời gian thực tế cá nhân công tác trong ngành nội vụ.

+ Trường hợp cá nhân hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm không liên tục thì quy đổi theo thời điểm trình hồ sơ như sau: 01 năm hoạt động kiêm nhiệm được quy đổi bằng 09 tháng hoạt động chuyên trách.

- Đối với các cá nhân có quá trình công tác trong các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ, nếu thời gian công tác của mỗi ngành, lĩnh vực không đủ thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương về từng ngành, lĩnh vực thì tổng thời gian công tác trong các ngành, lĩnh vực của cá nhân đó được tính để xét tặng Kỷ niệm chương và được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực hiện đang công tác (hoặc trước khi nghỉ hưu).

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của ngành nội vụ.

+ Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên.

+ Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thành ủy thành phố Thủ Đức; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố Thủ Đức: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 10 năm trở lên phụ trách lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo.

+ Lãnh đạo hoặc thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng Thành phố Hồ Chí Minh: kiêm nhiệm từ đủ 10 năm trở lên.

+ Thời gian giữ chức vụ được tính để xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn nếu cá nhân không phụ trách liên tục các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Có thành tích xuất sắc trong việc củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành nội vụ; cá nhân hiến tặng tài liệu cho các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của ngành nội vụ hoặc trong lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước
về Tín ngưỡng, tôn giáo”**

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) thẩm định, xét duyệt và trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét tặng Kỷ niệm chương “.....” năm ... cho ... cá nhân. Trong đó:

1. Đối tượng là cá nhân trong ngành:
 - a) Đang công tác: ... người;
 - b) Đã nghỉ công tác: ... người.
 2. Đối tượng là cá nhân ngoài ngành: ... người.
 3. Đối tượng là người nước ngoài (nếu có): ... người.
- (Danh sách và báo cáo thành tích cá nhân kèm theo)/.

Nơi nhận:

- ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**(Ký tên, đóng dấu)**

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**1. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành****TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**
“VÌ SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO”*(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)**(Đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thời gian công tác được tính để xét tặng Kỷ niệm chương (đã trừ thời gian kỷ luật, nếu có)	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1.							
2.							

NGƯỜI LẬP BIỂU**(Ký, ghi rõ họ tên)****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC****(Ký tên, đóng dấu)**

2. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ và nơi công tác (Hiện nay hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ (*)
		Nam	Nữ		
1.					
2.					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

(*): Ghi rõ thời gian/nhiệm kỳ phụ trách lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
- Tóm tắt đóng góp nổi bật đối với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ trong thời gian phụ trách

MẪU BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NHỮNG CÁ NHÂN ĐÃ VÀ ĐANG CÔNG TÁC TRONG NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, tôn giáo”

(Đối với những cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BẢN THÂN

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG NGÀNH (*)

Thời gian (từ tháng...năm... đến tháng...năm...)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ được phân công/phụ trách	Số năm công tác trong ngành		Danh hiệu và hình thức khen thưởng được ưu tiên theo khoản 1 Điều 10 của Thông tư (nếu có) (số ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định)
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	
Tổng số năm công tác trong ngành (đã quy đổi): ... năm (chuyên trách/kiểm nhiệm)					

Cam kết: Tôi chưa từng được nhận Kỷ niệm chương trong lĩnh vực đang đề nghị xét tặng.

III. KỶ LUẬT (Nếu có):

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*): Chỉ liệt kê thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

4. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư - Lưu trữ” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, gửi Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) trước ngày 31/7 hàng năm.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc bắt đầu từ ngày 01/8, Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nội vụ gửi hồ sơ trình Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị của đơn vị (theo mẫu).

+ Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu).

+ Bản khai thành tích và quá trình công tác đối với cá nhân trong ngành (theo mẫu).

+ Những trường hợp thuộc diện ưu tiên xét tặng được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV kèm theo bản sao Quyết định khen thưởng hoặc Bằng công nhận.

Hồ sơ gửi bản giấy và bản điện tử. (Đối với bản điện tử: gửi file định dạng “.docx” đối với Tờ trình, danh sách; gửi file định dạng “.pdf” đối với báo cáo thành tích và các hồ sơ khác có liên quan; trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước)

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân đã và đang công tác trong ngành Văn thư, Lưu trữ:

+ Công chức, viên chức, người lao động công tác tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ và tại các Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công chức làm công tác tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Lãnh đạo các huyện, quận, thành phố Thủ Đức có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Văn thư, Lưu trữ.

- Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có công xây dựng và phát triển trong lĩnh vực Văn thư, Lưu trữ.

- Công dân có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của lĩnh vực Văn thư, Lưu trữ.

- Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

- Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề xuất: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm hồ sơ đề xuất (khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV).

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện đề xuất: Công văn hướng dẫn của Chi cục

Văn thư - Lưu trữ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.
- Danh sách đề nghị xét tặng kỷ niệm chương.
- Bản khai thành tích và quá trình công tác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Hoạt động chuyên trách từ đủ 15 năm trở lên hoặc hoạt động kiêm nhiệm từ đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp được cử đi học tập hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thời gian đi học, thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp cá nhân không công tác liên tục thì thời gian xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn thời gian thực tế cá nhân công tác trong ngành nội vụ.

+ Trường hợp cá nhân hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm không liên tục thì quy đổi theo thời điểm trình hồ sơ như sau: 01 năm hoạt động kiêm nhiệm được quy đổi bằng 09 tháng hoạt động chuyên trách.

+ Đối với các cá nhân có quá trình công tác trong các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ, nếu thời gian công tác của mỗi ngành, lĩnh vực không đủ thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương về từng ngành, lĩnh vực thì tổng thời gian công tác trong các ngành, lĩnh vực của cá nhân đó được tính để xét tặng Kỷ niệm chương và được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực hiện đang công tác (hoặc trước khi nghỉ hưu).

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của ngành nội vụ.

+ Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên.

+ Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thành ủy thành phố Thủ Đức; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố Thủ Đức: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 10 năm trở lên phụ trách lĩnh vực Văn thư, Lưu trữ.

+ Lãnh đạo hoặc thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng Thành phố Hồ Chí Minh: kiêm nhiệm từ đủ 10 năm trở lên.

+ Thời gian giữ chức vụ được tính để xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn nếu cá nhân không phụ trách liên tục các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Có thành tích xuất sắc trong việc củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành nội vụ.

- Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV:

+ Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành nội vụ; cá nhân hiến tặng tài liệu cho các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của ngành nội vụ hoặc trong lĩnh vực Văn thư, Lưu trữ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***TỜ TRÌNH****Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn thư - Lưu trữ”**

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV.

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) thẩm định, xét duyệt và trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét tặng Kỷ niệm chương “.....” năm ... cho ... cá nhân. Trong đó:

1. Đối tượng là cá nhân trong ngành:
 - a) Đang công tác: ... người;
 - b) Đã nghỉ công tác: ... người.
 2. Đối tượng là cá nhân ngoài ngành: ... người.
 3. Đối tượng là người nước ngoài (nếu có): ... người.
- (Danh sách và báo cáo thành tích cá nhân kèm theo)/.

Nơi nhận:

- ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**(Ký tên, đóng dấu)**

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP VĂN THƯ - LƯU TRỮ”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thời gian công tác được tính để xét tặng Kỷ niệm chương (đã trừ thời gian kỷ luật, nếu có)	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1.							
2.							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

2. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
 “VÌ SỰ NGHIỆP VĂN THƯ - LƯU TRỮ”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm ... của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 6)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ và nơi công tác (Hiện nay hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ (*)
		Nam	Nữ		
1.					
2.					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

(*): Ghi rõ thời gian/nhiệm kỳ phụ trách lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
 - Tóm tắt đóng góp nổi bật đối với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ trong thời gian phụ trách

3. Mẫu Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BNV (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2022/TT-BNV)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP VĂN THƯ - LƯU TRỮ”**

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm của ...)

(Đối với cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6)

STT	Họ và tên, chức vụ, chức danh	Năm sinh		Quốc tịch	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
		Nam	Nữ		
1					
2					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

**MẪU BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NHỮNG
CÁ NHÂN ĐÃ VÀ ĐANG CÔNG TÁC TRONG NGÀNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KHAI THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư - Lưu trữ”

(Đối với những cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BẢN THÂN

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG NGÀNH (*)

Thời gian (từ tháng...năm... đến tháng...năm...)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ được phân công/phụ trách	Số năm công tác trong ngành		Danh hiệu và hình thức khen thưởng được ưu tiên theo khoản 1 Điều 10 của Thông tư (nếu có) (số ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định)
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	
Tổng số năm công tác trong ngành (đã quy đổi): ... năm (chuyên trách/kiêm nhiệm)					

Cam kết: Tôi chưa từng được nhận Kỷ niệm chương trong lĩnh vực đang đề nghị xét tặng.

III. KỶ LUẬT (Nếu có):

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*): Chỉ liệt kê thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

II. Lĩnh vực Văn thư và Lưu trữ nhà nước

5. Thủ tục thẩm tra tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử trình hồ sơ đề nghị Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) thẩm tra tài liệu hết giá trị.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra, Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) tiến hành thẩm tra về thủ tục xét hủy và thành phần nội dung tài liệu hết giá trị, kiểm tra đối chiếu với thực tế tài liệu (nếu cần).

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm tra, Chi cục Văn thư - Lưu trữ tham mưu Giám đốc Sở Nội vụ ban hành văn bản về kết quả thẩm tra.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị tài liệu.

+ Công văn đề nghị thẩm tra tài liệu hết giá trị.

+ Danh mục tài liệu hết giá trị.

+ Bản thuyết minh tài liệu hết giá trị.

+ Biên bản họp Hội đồng xác định giá trị tài liệu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra đầy đủ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nội vụ.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Văn thư - Lưu trữ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản của Sở Nội vụ về việc thẩm tra tài liệu hết giá trị của cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Công văn đề nghị thẩm tra tài liệu hết giá trị.
- Danh mục tài liệu hết giá trị.
- Bản thuyết minh tài liệu hết giá trị.
- Biên bản họp Hội đồng xác định giá trị tài liệu.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tài liệu hết giá trị phải được Hội đồng xác định giá trị tài liệu của cơ quan, tổ chức xem xét và cơ quan quản lý lưu trữ cấp trên thẩm định trước khi người có thẩm quyền ra quyết định tiêu hủy.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Lưu trữ năm 2011.
- Thông tư số 10/2012/TT-BNV ngày 14/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý tài liệu hết giá trị.
- Công văn số 879/VTLTNN-NVĐP ngày 19/12/2006 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước về việc hướng dẫn tổ chức tiêu hủy tài liệu hết giá trị.
- Hướng dẫn số 4272/HD-SNV ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Sở Nội vụ về thủ tục thẩm định, có ý kiến đối với Danh mục tài liệu hết giá trị tại các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Thành phố.

MẪU DANH MỤC TÀI LIỆU HẾT GIÁ TRỊ**DANH MỤC TÀI LIỆU HẾT GIÁ TRỊ****Phòng (Khối)**

Bó số	Tập số	Tiêu đề hồ sơ hoặc tập tài liệu	Lý do hủy	Ghi chú

Hướng dẫn cách ghi:

Phòng (khối): Ghi tên phòng hoặc khối tài liệu.

(1): Ghi thứ tự các bó (cặp) tài liệu. Số thứ tự được ghi liên tục cho một phòng (hoặc khối) tài liệu.

(2): Ghi số thứ tự hồ sơ hoặc tập tài liệu hết giá trị trong từng bó (cặp).

(3): Ghi tiêu đề của hồ sơ hoặc tài liệu hết giá trị. Tiêu đề tài liệu hết giá trị phải phản ánh hết nội dung tài liệu bên trong.

(4): Ghi lý do huỷ tài liệu như: hết thời hạn bảo quản; bị bao hàm (đối với kế hoạch, báo cáo tháng, quý mà đã giữ báo cáo 6 tháng hoặc năm); trùng; tài liệu bị rách nát không còn khả năng phục hồi; bản nháp; tư liệu tham khảo; bản chụp... Đối với những hồ sơ hoặc tập tài liệu bị bao hàm, trùng thừa phải ghi rõ bị bao hàm hoặc trùng với hồ sơ nào trong mục lục hồ sơ giữ lại.

(5): Ghi ý kiến của Hội đồng xác định giá trị tài liệu hoặc các ghi chú khác.

MẪU BẢN THUYẾT MINH TÀI LIỆU HẾT GIÁ TRỊ**BẢN THUYẾT MINH TÀI LIỆU HẾT GIÁ TRỊ****Phông (khối)****I. Tóm tắt tình hình khối tài liệu hết giá trị**

1. Sự hình thành khối tài liệu hết giá trị: Tài liệu được loại ra khi nào? (Trong quá trình chỉnh lý hay khi tiến hành đánh giá độc lập phông (khối) tài liệu lưu trữ?)
2. Số lượng: Tổng số tài liệu khi đưa ra chỉnh lý là ... mét; hồ sơ, tài liệu giữ lại bảo quản là mét; số lượng tài liệu loại ra ... mét (bó, gói); tỷ lệ loại ra so với tài liệu giữ lại là ...%.
3. Thời gian: Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc của khối tài liệu hết giá trị.

II. Tóm tắt thành phần và nội dung chủ yếu của tài liệu hết giá trị

Tài liệu hết giá trị bao gồm các nhóm: Tài liệu hết thời hạn bảo quản, tài liệu bị bao hàm, tài liệu trùng, tài liệu bị rách nát không khôi phục được, tư liệu tham khảo, bản chụp ...

1. Nhóm tài liệu hết thời hạn bảo quản: Gồm những tài liệu gì? Nội dung về vấn đề gì? Tác giả? Thời gian? Lý do huỷ ...).
2. Nhóm tài liệu bị bao hàm: Gồm những tài liệu gì? Về vấn đề gì? Lý do huỷ...
3. Nhóm tài liệu trùng: Gồm những tài liệu gì?
4. Nhóm tư liệu: Gồm những loại nào? Nội dung về vấn đề gì?

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

NGƯỜI VIẾT THUYẾT MINH

(Họ và tên, chữ ký)

MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI LIỆU

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH
GIÁ TRỊ TÀI LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp Hội đồng xác định giá trị tài liệu**

Căn cứ Điều 18 của Luật Lưu trữ năm 2011 và Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc thành lập Hội đồng xác định giá trị tài liệu,

Hôm nay, vào hồi.... giờ ngày...tháng...năm...,

Tại

Hội đồng xác định giá trị của..... (cơ quan, tổ chức) gồm có:

(ghi rõ họ tên các thành viên trong Hội đồng).....

Chủ tọa:.....

Thư ký:.....

Nội dung họp: Xét huỷ tài liệu hết giá trị Phong (khối) tài liệu

Sau khi nghiên cứu, xem xét Danh mục tài liệu hết giá trị của Phong (khối)

..... và kiểm tra thực tế, các thành viên trong Hội đồng có ý kiến như sau:

1.....

2.....

3.....

Chủ tọa cuộc họp thống nhất kết luận:

1. Đề nghị giữ lại những tập (hồ sơ) tài liệu số:....., nêu lý do (nếu có). 2. Đề nghị (người có thẩm quyền)..... xem xét, quyết định cho phép tiêu huỷ tài liệu theo Danh mục đính kèm.

Hội đồng thông qua biên bản cuộc họp, với ý kiến nhất trí.../...(ghi rõ số lượng) Cuộc họp kết thúc vào hồi...h ngày... /

THƯ KÝ

(Họ, tên, chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên, chữ ký)

III. Lĩnh vực Công chức, viên chức

6. Thủ tục biệt phái công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

a) *Trình tự thực hiện:*

Đối với công chức:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp quản lý công chức nơi công chức công tác và nơi được cử đến biệt phái có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công chức đang công tác quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý.

Đối với viên chức:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp quản lý viên chức gặp gỡ viên chức nêu rõ mục đích, sự cần thiết của việc biệt phái để nghe viên chức đề xuất ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc biệt phái viên chức thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

b) *Cách thức thực hiện:*

- Trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

Trường hợp biệt phái công chức:

- Thành phần hồ sơ:

+ Các văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến giữa người đứng đầu cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp quản lý công chức nơi công chức đang công tác và nơi được cử đến biệt phái.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trường hợp biệt phái viên chức:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chấp thuận của nơi có nhu cầu tiếp nhận viên chức biệt phái.

+ Biên bản làm việc giữa lãnh đạo cơ quan, đơn vị và viên chức dự kiến biệt phái.

+ Công văn đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định biệt phái (nếu là đơn vị sự nghiệp công lập không tự chủ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Đối với công chức:

- 15 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến giữa cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp quản lý công chức nơi công chức công tác với cơ quan, tổ chức nơi công chức được cử đến biệt phái.

Đối với viên chức:

- 15 ngày làm việc sau khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp quản lý viên chức gặp gỡ viên chức nêu rõ mục đích, sự cần thiết của việc biệt phái để nghe viên chức đề xuất ý kiến.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công chức, viên chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng công chức, viên chức.

- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận công chức, viên chức biệt phái.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định biệt phái.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc biệt phái công chức, viên chức được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo nhiệm vụ đột xuất, cấp bách.
- Để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5795/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10903/TTr-STNMT-VP ngày 21 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 23 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm: 05 thủ tục hành chính mới ban hành, 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 03 thủ tục hành chính thay thế, 06 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban

nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính có thứ tự A.1, A.2, A.3, A.4, A.5, A.6, A.7, A.8, A.11, A.12, A.13, A.14, A.15, A.16, A.17 ban hành kèm theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5795/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

A1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực tài nguyên nước					
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan xác nhận đăng ký) có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			moong khai thác khoáng sản.		<p>chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng,	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra và ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước.	phường Bến Nghé, Quận 1).		<p>tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

A2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của nhiều cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức; UBND phường, xã, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực tài nguyên nước					
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan xác nhận đăng ký) có trách nhiệm kiểm tra nội dung	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt công trình khai thác). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	<p>đối với các trường hợp:</p> <p>a) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³ hoặc công trình khai thác, sử dụng nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm các mục đích khác có quy mô thuộc trường hợp phải cấp phép) với lưu lượng khai thác lớn hơn 0,1 m³/giây đến 0,5 m³/giây.</p> <p>b) Khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất trên đất liền bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với quy mô trên 10.000 m³/ngày đêm đến 100.000 m³/ngày đêm.</p>		<p>hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
2	<p>Đăng ký khai thác nước dưới đất</p>	<p>- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành 02 tờ khai và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan xác nhận đăng ký) hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt công trình khai thác).</p> <p>- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt công trình khai thác). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan xác nhận đăng ký) đối với các trường hợp: Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình; khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học; khai thác, sử dụng nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm năm</p>	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		xác nhận đăng ký) có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	trong danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố.		- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

A3. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực tài nguyên nước				
1	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin	* Đối với các dự án không có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	- Luật Tài nguyên nước 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ đầu tư.</p> <p>* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:</p> <p>Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư tổng hợp ý</p>			<p>Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kiến và gửi cho chủ đầu tư.			<p>Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực tài nguyên nước					
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án.</i></p> <p>Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	<p>Phí thẩm định đề án thăm dò hoặc thiết kế giếng thăm dò:</p> <p>- Đối với thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/thiết kế giếng.</p> <p>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/đề án.</p> <p>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/đề án.</p> <p>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/đề án.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.</p>	<p>điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 22 ngày làm việc,	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận	Phí thẩm định báo cáo: - Đối với công trình dưới 200 m ³ /ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	m ³ /ngày đêm	<p>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</i></p>	1)	<p>500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với công trình có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với công trình có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.</p>	<p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm</i></p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	<p>Phí thẩm định báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với báo cáo kết quả thi công giếng khai thác của công trình có quy mô dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 700.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</p>		<p>trừ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.700.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 3.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo hiện</p>	<p>kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>trạng khai thác của công trình có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.</p>	<p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
4	Gia hạn, điều	- Thời hạn kiểm tra hồ	Sở Tài	Phí thẩm định báo cáo:	- Luật Tài nguyên nước năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>chính giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm</p>	<p><i>sơ</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định báo cáo</i>: Trong thời hạn 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn trả giấy phép</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</p>	<p>nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí. 	<p>2012.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 1235/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
5	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Quyết định cấp phép: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép: 700.000 đồng/hồ sơ. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>cấp phép.</p> <p>Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất. - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
6	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 10</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép: 700.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép:</i> không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p>	Nghé, Quận 1).	mạng được miễn thu phí.	<p>tài nguyên nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư số 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2684/QĐ-BTNMT ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
7	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng,	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p><i>hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- <i>Quyết định cấp phép</i>: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.</p>	phường Bến Nghé, Quận 1).		<p>tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 4044/QĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>BTNMT ngày ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Thành phố Hồ Chí Minh.
8	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	<p>- <i>Thời hạn kiểm tra phương án:</i> Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án:</i> Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày phương án đạt yêu cầu.</p> <p>- <i>Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, trả kết quả cho tổ chức quản lý vận hành hồ chứa.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên	<p><i>* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh:</i></p> <p>Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho chủ đầu tư.</p> <p><i>* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn</i></p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p><i>nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến. - Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với 			<p>Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sở, ban ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án; tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi cho chủ đầu tư.			

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực tài nguyên nước						
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giây và	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> Trong thời hạn 27 ngày làm	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	a) Đối với thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt: Phí thẩm định đề án hoặc báo cáo: - Đối với đề án hoặc báo cáo cho mục đích khác với lưu	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày</p>	<p>việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</i></p>		<p>lượng trên 100 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m³/giây đến dưới 0,5 m³/giây; hoặc cho phát điện với công suất trên 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 900.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/giây; hoặc</p>	<p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đêm			<p>cho phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/giây; hoặc cho phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 4.200.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất</p>	<p>trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³ hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng dưới 5 m³/giây: Không.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.</p> <p>b) Đối với thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biên:</p>	<p>quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Phí thẩm định đề án hoặc báo cáo: Không	điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ ,	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:</i> Trong thời hạn 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	a) Đối với thủ tục gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt: Phí thẩm định đề án hoặc báo cáo: - Đối với đề án hoặc báo cáo cho mục đích khác với lưu lượng trên 100 m ³ /ngày đến dưới 500 m ³ /ngày	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của	* Thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển theo khoản 2 Điều 32

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm</p>	<p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép.</i></p>		<p>đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m³/giờ đến dưới 0,5 m³/giờ; hoặc cho phát điện với công suất trên 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 900.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/giờ; hoặc cho phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1.000 kw; hoặc</p>	<p>Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;</p> <p>b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng/đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/giây; hoặc cho phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 4.200.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án hoặc báo cáo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập</p>	<p>- Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước;</p> <p>c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện).</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³ hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng dưới 5 m³/giây: Không.</p> <p>- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.</p> <p>b) Đối với thủ tục gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: Phí thẩm định đề án hoặc báo cáo: Không.</p>	<p>52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	
3	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giấy phép.			<p>chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.- Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	

D. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
1	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với công trình cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Do được thay thế bởi thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm).
2	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	(Do được thay thế bởi thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm).
3	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với công trình cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Do được thay thế bởi thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giờ và dung tích
4	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung	(Do được thay thế bởi thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giờ và dung tích

	giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm).
5	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Giấy phép thăm dò nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước).	Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Do được thay thế bởi thủ tục Cấp lại giấy phép tài nguyên nước).
6	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng